TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỐNG NHẤT** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2024/HS-ST
Ngày: 22-10-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Ngọc Thành

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Trung

Ông Trương Công Đức

- Thư ký phiên tòa: Bà Quách Thị Khuyến là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Lê Trần Thọ - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 10 năm 2024, Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 06/2024/TLST-HS ngày 08 tháng 10 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 03/2024/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 10 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Phạm Đình D, sinh năm 1988, tại Đồng Nai, căn cước công dân số 075088001600; HKTT: 145/1, ấp B, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai; Nơi cư trú: Ấp G, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Minh T (đã chết) và bà Phạm Thị M, sinh năm 1961; Bị cáo là con 01 trong gia đình. Vợ tên Đỗ Uyên Phương T, sinh năm 1993 (đã ly hôn); có 01 con sinh năm 2017.

- Tiền án: Không.

- Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/01/2024 cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện Thống Nhất.

(Có mặt)

2. Cao Minh L, sinh năm 1987, tại Đồng Nai; căn cước công dân số 075087019498; nơi cư trú: Ấp T, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Cao Lâm H, sinh năm 1955 và bà Nguyễn Thị Cẩm T, sinh năm 1963; bị cáo là con thứ ba trong gia đình có 03 chị em; vợ tên Nguyễn

Thị Thùy A, sinh năm 1994 và hai con, con lớn sinh năm 2020, con nhỏ sinh năm 2021.

- Tiền án: Không.

- Tiền sự: Không.

- Nhân thân: Ngày 23/12/2014, TAND huyện Đạ Tẻ, tỉnh Lâm Đồng xử phạt 24 tháng tù cho hưởng án treo về tội "Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có", đã chấp hành xong án phí và các quyết định của Tòa án và Cơ quan có thẩm quyền.

Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 08/5/2024 đến nay.

(Có mặt)

* *Bị hại:*

+ Anh Trần Hoàng N, sinh năm 1984; Địa chỉ: 34/C3, ấp Đ, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

+ Anh Phạm Quang A, sinh năm 1996; Địa chỉ: Ấp G, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

+ Anh Phạm Quang T, sinh năm 1973; Địa chỉ: 180/4, ấp D, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

+ Chị Nguyễn Ngọc Trâm A, sinh năm 1999; Địa chỉ: Ấp N, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

+ Chị Võ Bạch Kim T, sinh năm 2004; Địa chỉ: Ấp N, xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

+ Anh Vũ Tiến M, sinh năm 1989; Địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

+ Ông Bùi Văn T, sinh năm 1976; Địa chỉ: 11 Lý Tự T, thị trấn N, huyện Đức T, tỉnh Lâm Đồng.

+ Ông Trần Anh K, sinh năm 1986; Địa chỉ: Q5/163, ấp N, xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(Các bị hại vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 16 giờ ngày 05 tháng 01 năm 2024, Phạm Đình D sinh năm 1988; trú tại 145/1, ấp B, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai, tự xưng là cán bộ Cảnh sát giao thông yêu cầu anh Trần Hoàng N (sinh năm 1984, trú tại 34/C3, ấp Đ, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai, là tài xế và chủ xe máy cày) giao nộp số tiền 2.000.000 đồng/năm nhằm mục đích không bị xử lý vi phạm hành chính khi lưu thông trên Quốc lộ 20 đối với xe máy cày của anh Nam. Đến khoảng 16 giờ 30 cùng ngày, anh Nam đến gặp D tại quán cà phê Coffee K thuộc ấp D, xã G, huyện T để giao tiền. Khi D nhận tiền từ N thì bị Công an huyện Thống Nhất bắt quả tang cùng tang vật gồm: Số tiền 2.000.000 đồng (04 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng), 01 cuốn tập học sinh có ghi 04 tờ (01 tờ bị xé rách – số ghi các xe đã nhận tiền), 01 điện

thoại Iphone X màu đen, trên người thu giữ số tiền 3.520.000 đồng, 01 xe mô tô biển số 60B7-679.39, 01 thẻ ngân hàng ACB, 01 căn cước công dân tên Phạm Đình D.

Quá trình điều tra xác định, để có tiền tiêu sài cá nhân, Phạm Đình D đã thực hiện hành vi giả danh Cảnh sát giao thông nhằm chiếm đoạt tài sản của các cá nhân có xe ôtô tải, xe máy cày, xe ba gác lưu thông trên Quốc lộ 20 và các tuyến liên quan, cụ thể như sau:

Phạm Đình D khai nhận từ năm 2008-2017 là người được đội tuần tra kiểm soát giao thông số 2 – Phòng PC08 Công an tỉnh Đồng Nai thuê làm công việc bảo trì xe tuần tra của đội nên có mối quan hệ quen biết với các cán bộ chiến sĩ Cảnh sát giao thông. Từ tháng 11/2023 đến 06/01/2024, Phạm Đình D sử dụng điện thoại sim số 0348678904, tài khoản Zalo, Facebook tên Pham Dan để liên hệ với cá nhân là lái xe tải, xe máy cày, xe ba gác, người vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ với nội dung có khả năng can thiệp việc không bị xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ khi phương tiện, chủ phương tiện vi phạm để chiếm đoạt tài sản, đối với các loại phương tiện gồm: xe ôtô tải loại 3 trục trở lên: 2.000.000 đồng/tháng; xe ôtô tải loại 08 tấn: 1.500.000 đồng/tháng; xe ôtô tải loại dưới 08 tấn: 1.200.000 đồng/tháng; xe máy cày: 2.00.000 đồng/tháng; xe ba gác: 1.00.000 đồng/tháng

Sau khi các chủ phương tiện, lái xe đưa tiền thì D đã chuẩn bị 01 sổ ghi chép nhằm tạo lòng tin cho những người tài xế khi làm việc với D về nội dung trên, ghi danh sách các xe, đặc điểm, biển số.); 01 tài khoản ngân hàng ACB – PGD Gia Kiệm, Số tài khoản 9064627, tên PHAM DINH DAN, số tài khoản tên Nguyễn Quốc Việt (sinh năm 2002, trú tại: ấp Đ, xã G, huyện T) tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân đội, số tài khoản: 0333140370.

Với phương thức, thủ đoạn nêu trên, trong khoảng thời gian từ ngày 10/11/2023 đến 07/12/2024, D đã chiếm đoạt tài sản của 27 cá nhân là chủ phương tiện, tài xế các loại xe ôtô tải, xe ba gác, xe máy cày trên địa bàn các xã G, 2, 3 thuộc huyện Thống Nhất và các bị hại khác với tổng số tiền 32.400.000 đồng với mục đích tiêu xài cá nhân, cụ thể:

STT	Họ tên, địa chỉ bị hại	Loại phương tiện	Số tiền bị chiếm đoạt	Ghi chú
1	Trần Hoàng N, 1984, TT: 34/c3, ấp Đ, xã G 2, huyện T	xe máy cày	2.000.000 đồng	
2	Trần Anh K, sinh năm 1986, trú tại: Q5/163, ấp N, xã Q, huyện T	xe ba gác	3.000.000 đồng	
3	Phạm Quang A, sinh năm 1996, trú tại: ấp G, xã G, huyện T	xe tải biển số 60C-148.42 60C-447.42 60H-063.42	5.400.000 đồng	

		60H-070.74		
4	Phạm Quang T, sinh năm 1973, trú tại: 180/4, ấp D, xã G, huyện T	xe máy cày loại 2200 (22 mã lực)	1.400.000 đồng	
5	Nguyễn Ngọc Trâm A, sinh năm 1999, trú tại: ấp N, xã Q, huyện T	60B7-447.90 lỗi vi phạm hành chính không mang theo giấy chứng nhận, giấy phép lái xe.	13.500.000 đồng	Đưa tiền mặt 6.500.000 cho hai xe. Sau đó chuyển khoản qua Ngân hàng MB Số tiền 7.000.000 đồng cho D
6	Võ Bạch Kim T, sinh năm 2004, trú tại: ấp N, xã Q, huyện T	60B7-397.34 lỗi vi phạm hành chính không mang theo giấy chứng nhận, giấy phép lái xe.		
7	Vũ Tiến M, sinh năm 1976, địa chỉ: thôn P, xã H, huyện Đ, tỉnh L (chủ Doanh nghiệp tư nhân Trọng Minh)	08 xe ô tô chở khách	7.500.000 đồng	Chuyển khoản
8	Bùi Văn T, sinh năm 1976, trú tại: 11 Lý Tự T, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.	Xe chở rau	2.000.000 đồng	Chuyển khoản
9	Số người bị hại đã đưa tiền cho D nhưng chưa xác định được nhân thân, lai lịch từ khoảng thời gian ngày 10/11/2023 đến 07/12/2023 (21 người) theo trích xuất nội dung từ nội dung cuốn tập thu	14 xe ba gác, 07 xe máy cày	7.100.000 đồng	Nhận tiền trực tiếp

	giữ từ Phạm Đình D, số tiền mỗi người từ 100.000 – 600.000			
	Tổng cộng:		32.400.000 đồng	

Đối với hành vi Cao Minh L là nhân viên bảo dưỡng chăm sóc xe cho đội tuần tra giao thông số 02, đã nhận tiền từ Phạm Đình D để L sử dụng mối quan hệ tại Đội tuần tra giao thông số 02 nhằm mục đích không xử lý hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ với các xe ô tô biển số 60H-07074, 60C-14842, 72C-02541, 49H-00254, 49C-23839, 60C-063.42, 60C-44742, 49H00340, với tổng số tiền 7.300.000 đồng, bằng hình thức chuyển khoản qua Số tài khoản của cháu L là Nguyễn Hồng Â (sinh năm 2004, trú tại: tổ 5, ấp H, xã T, Tp. H, tỉnh Kiên Giang). Sau khi nhận tiền từ D thì L chỉ đạo Nguyễn Hồng Â chuyển khoản qua tài khoản Nguyễn Thị Ánh P tại Ngân hàng Thương mại cổ phần ACB, số tài khoản 23885457, chị Phượng là hàng xóm của Cao Minh L. Khi nhận được tiền thì chị Phượng rút tiền mặt từ Ngân hàng và đưa cho L.

Tại Biên bản làm việc với Đội Cảnh sát giao thông số 02 – Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Đồng Nai (Đội 2) xác định: Phạm Đình D không làm việc tại đây theo lời khai của D, Cao Minh L có làm công việc rửa xe, bảo dưỡng xe ôtô tại Đội 2 theo dịch vụ khi Chỉ huy đội có yêu cầu bảo dưỡng xe và không ký hợp đồng lao động. Việc Phạm Đình D và Cao Minh L liên hệ Đội 2 để không xử lý các phương tiện như trên là thủ đoạn gian dối nhằm chiếm đoạt tài sản.

Cáo trạng số 119/CT-VKS-TN ngày 25 tháng 9 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất truy tố bị cáo Phạm Đình D về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm b khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Truy tố bị cáo Cao Minh L về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Phạm Đình D mức án từ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng đến 03 (ba) năm tù.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Cao Minh L mức án từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 02 (hai) năm đến 03 (ba) năm tính từ ngày tuyên án.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử quyết định về trách nhiệm dân sự, án phí hình sự sơ thẩm và xử lý vật chứng.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, không tham gia tranh luận, chỉ xin giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của các bị cáo có trong hồ sơ vụ án;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về thủ tục tố tụng*:

[1.1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Thống Nhất, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, những người tham gia tố tụng khác khẳng định khai báo tự nguyện, không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.2] Các bị hại mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 292 và Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] *Về tội danh và khung hình phạt*: Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Đình D và Cao Minh L đã khai nhận hành vi phạm tội do mình thực hiện như nội dung bản Cáo trạng đã nêu, lời khai nhận tội này phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng, Kết luận định giá tài sản và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận:

Trong khoảng thời gian từ tháng 9/2023 đến tháng 01/2024, Phạm Đình D thông qua Cao Minh L làm nhân viên bảo trì, bảo dưỡng xe ôtô tại Đội Cảnh sát giao thông số 02 – Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Đồng Nai nên Phạm Đình D đã chủ động liên hệ các chủ phương tiện, tài xế các xe ôtô tải và các loại phương tiện khác lưu thông trên Quốc lộ 20 và các tuyến đường liên quan, đưa ra thông tin gian dối là có khả năng tác động, can thiệp xử lý khi các chủ phương tiện, tài xế lái xe vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ khi lưu thông trên Quốc lộ 20 và các tuyến đường liên quan, chiếm đoạt tài sản với tổng số tiền 32.400.000 đồng.

Với phương thức, thủ đoạn đưa ra thông tin gian dối, trong khoảng thời gian từ ngày 10/11/2023 đến 07/12/2024, Phạm Đình D đã chiếm đoạt tài sản của 27 cá nhân là chủ phương tiện, tài xế các loại xe ôtô tải, xe ba gác, xe máy cày trên địa bàn các xã Gia Tân 1, 2, 3 thuộc huyện Thống Nhất và các bị hại khác với tổng số tiền 32.400.000 đồng. Bị cáo Phạm Đình D cố ý 05 lần thực hiện tội phạm trở lên và bị cáo D không có nghề nghiệp nên đều lấy các lần phạm tội làm nghề sinh sống, lấy kết quả của việc phạm tội làm nguồn sống chính.

Như vậy, hành vi của Phạm Đình D đã phạm vào tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" với tình tiết định khung "có tính chất chuyên nghiệp" quy định tại điểm b khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Đối với Cao Minh L đã nhận tiền từ Phạm Đình D để L sử dụng mối quan hệ tại Đội tuần tra giao thông số 02 nhằm mục đích không xử lý hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ với các xe ô tô biển số 60H-07074, 60C-14842, 72C-02541, 49H-00254, 49C-23839, 60C-063.42, 60C-44742, 49H00340, với tổng số tiền 7.300.000 đồng, bằng hình thức chuyển khoản qua Số tài khoản người thân của L. Hành vi nêu trên của Cao Minh L đã phạm vào tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự quy định:

"1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

...

b) Có tính chất chuyên nghiệp;

..."

Do đó, Cáo trạng số 119/CT-VKS-TN ngày 25 tháng 9 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất truy tố các bị cáo về tội danh và khung hình phạt như đã nêu trên là đúng người, đúng tội và không oan sai cho các bị cáo.

[3] *Về tính chất, mức độ hành vi của các bị cáo*: Các bị cáo bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của các bị hại là nguy hiểm cho xã hội. Hành vi bị cáo không những trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác mà còn ảnh hưởng đến tình hình trật tự, an toàn xã hội. Các bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, có sức khỏe tốt đủ điều kiện lao động để tạo ra vật chất nhưng vì lười lao động, tham lam nên đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của người khác để thỏa mãn nhu cầu của bản thân. Các bị cáo coi thường pháp luật, xem nhẹ tài sản của người khác do đó bị cáo phạm tội với lỗi cố ý. Do vậy, việc đưa các bị cáo ra xét xử là cần thiết, cần có mức án tương xứng với hành vi của các bị cáo gây ra nhằm cải tạo, giáo dục răn đe phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] *Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo*:

* Về nhân thân: Bị cáo Phạm Đình D có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

Bị cáo Cao Minh L có nhân thân xấu, năm 2014 đã bị TAND huyện Đạ Tẻ, tỉnh Lâm Đồng xử phạt 24 tháng tù cho hưởng án treo nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng bản thân mà lại tiếp tục phạm tội với lỗi cố ý.

* Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo phạm tội 02 lần trở lên tuy nhiên do đã xác định đây là tình tiết định khung hình phạt nên bị cáo D không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo điểm g khoản 1 Điều

52 Bộ luật Hình sự. Đối với Cao Minh L, bị cáo D chuyển khoản 3 lần nhưng chỉ một lần đủ định lượng cấu thành tội phạm nên cũng không áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

* Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, đã tự nguyện khắc phục một phần hậu quả của hành vi phạm tội.

Ngoài ra gia đình bị cáo L có hoàn cảnh khó khăn, hiện bị cáo đang nuôi mẹ già và 02 con nhỏ, là lao động chính trong gia đình và bị cáo cũng tích cực tham gia đóng góp các hoạt động thiện nguyện có xác nhận của chính quyền địa phương. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, là căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo khi lượng hình, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[5] *Về quyết định hình phạt*:

Bị cáo D là người khởi xướng, chủ động liên hệ các phương tiện, tài xế lái xe ô tô tải và các phương tiện lưu thông khác để đưa ra thông tin gian dối mục đích chiếm đoạt tài sản của các bị hại. Tổng số tiền bị cáo D chiếm đoạt của các bị hại là 32.400.000đ (ba mươi hai triệu bốn trăm ngàn đồng). Bị cáo D phạm tội có tính chất chuyên nghiệp.

Bị cáo L là người giúp sức, đưa ra thông tin gian dối để cùng với bị cáo D chiếm đoạt tài sản của các bị hại. Tổng số tiền bị cáo L đã nhận của D số tiền là 7.300.000đ (Bảy triệu ba trăm ngàn đồng).

Căn cứ tính chất và mức độ của hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy, cần cách ly bị cáo Phạm Đình D ra khỏi xã hội để bị cáo suy nghĩ về hành vi phạm tội của mình, tự giác cải tạo, học tập, lao động trở thành công dân sống lương thiện, có ích cho xã hội và biết tuân thủ pháp luật.

Đối với bị cáo Cao Minh L là đồng phạm giữ vai trò thứ yếu, bị cáo không có tình tiết tăng nặng và có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Hội đồng xét xử nhận thấy bị cáo là người lao động có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng. Bị cáo luôn chấp hành chính sách pháp luật nhà nước, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ công dân nơi cư trú. Bị cáo có 2 tình tiết giảm nhẹ ở khoản 1 và nhiều tình tiết giảm nhẹ ở khoản 2 Điều 51 BLHS Đối chiếu nghị quyết hợp nhất văn bản hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự tại khoản 2 Điều 2 "Điều kiện cho người được kết án hưởng án treo" bị cáo đủ điều kiện cho hưởng án treo. Nhận thấy, việc không cách ly bị cáo để cải tạo không gây nguy hiểm cho xã hội, do vậy Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự để xử phạt tù nhưng cho hưởng án treo đối với bị cáo, giao cho chính quyền địa phương nơi cư trú quản lý, giám sát đối với bị cáo cũng đủ nghiêm, tạo điều kiện cho các bị cáo hưởng sự khoan hồng của pháp luật, cải tạo thành công dân biết tuân thủ pháp luật.

[6] *Về hình phạt bổ sung*: Căn cứ tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định: *"Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000*

đồng". Xét thấy, các bị cáo không có tài sản và thu nhập nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[7] *Về vật chứng vụ án:*

- Thu giữ của Phạm Đình D gồm: Số tiền 2.000.000 đồng (04 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng), Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thống Nhất đã trả lại cho anh Trần Hoàng Nam là đúng quy định pháp luật.

- 01 cuốn tập học sinh có ghi 04 tờ (01 tờ bị xé rách – số ghi các xe đã nhận tiền), 01 USB ghi âm lời nói giữa Cao Minh L và Phạm Đình D lưu theo hồ sơ vụ án lưu theo hồ sơ vụ án.

- 01 điện thoại Iphone X màu đen, 01 xe mô tô biển số 60B7-679.39 của bị cáo Phạm Đình Dân và 01 điện thoại của bị cáo Cao Minh L cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

- 01 thẻ ngân hàng ACB, 01 căn cước công dân tên Phạm Đình D. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thống Nhất đã trả lại cho Phạm Đình D là đúng quy định.

- Tiếp tục tạm giữ số tiền 3.520.000đ của Phạm Đình D và 7.300.000 đồng của Cao Minh L để đảm bảo thi hành án.

[8] *Về trách nhiệm dân sự*: Do gia đình bị cáo Phạm Đình D đã thanh toán trả lại cho chị Nguyễn Ngọc Trâm A và Võ Bạch Kim T số tiền 13.500.000 đồng nên chị A và chị T không còn yêu cầu bồi thường gì khác.

Các bị hại còn lại yêu cầu bị cáo Phạm Đình D bồi thường gồm: Anh Trần Anh K yêu cầu bồi thường số tiền 3.000.000 đồng, Phạm Quang A yêu cầu bồi thường số tiền 5.400.000 đồng, Vũ Tiến M yêu cầu bồi thường số tiền 7.500.000 đồng, Bùi Văn Thọ yêu cầu bồi thường số tiền 2.000.000 đồng, cần buộc bị cáo Phạm Đình D bồi thường tổng số tiền 17.900.000đ (mười bảy triệu chín trăm ngàn đồng) cho các bị hại.

[9] *Các vấn đề khác*: Hành vi của Nguyễn Quốc V, Nguyễn Hồng Â và Nguyễn Thị Ánh P đã nhận tiền chuyển khoản từ các bị hại nhưng không biết tiền do Phạm Đình D, Cao Minh L phạm tội mà có nên không đủ căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự.

[10] Xét ý kiến luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về phần tội danh, điều khoản truy tố và hình phạt là có căn cứ, phù hợp với các tình tiết của vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa nên chấp nhận.

[11] *Về án phí*: Các bị cáo là người bị kết án và phải có trách nhiệm bồi thường nên phải chịu án phí theo quy định.

[12] *Về quyền kháng cáo*: Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

- Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tuyên bố bị cáo: Phạm Đình D phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tuyên bố bị cáo: Cao Minh L phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

2. Về hình phạt:

- Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 174; Điều 38, điểm b, s, khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 58 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt: Bị cáo Phạm Đình D 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 05/01/2024.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 174; điểm b, s, khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt: Bị cáo Cao Minh L 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

Thời gian thử thách là 03 (ba) năm tính từ ngày tuyên án (ngày 23/10/2024).

Giao bị cáo Cao Minh L cho UBND xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về Thi hành án hình sự.

Hậu quả của việc vi phạm nghĩa vụ trong thời gian thử thách: "Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo".

2. *Về trách nhiệm dân sự*: Buộc bị cáo Phạm Đình D có nghĩa vụ thanh toán trả cho các bị hại gồm anh Trần Anh K số tiền 3.000.000 đồng, Phạm Quang A số tiền 5.400.000 đồng, Vũ Tiến M số tiền 7.500.000 đồng, Bùi Văn T số tiền 2.000.000 đồng

Tiếp tục tạm giữ số tiền 10.820.000 đồng(Mười triệu tám trăm hai mươi ngàn đồng) theo giấy nộp tiền ngày 25/9/2024 tại Ngân hàng phát triển nông thôn Việt Nam tại Chi nhánh Thống Nhất đơn vị nhận tiền Chi cục thi hành án dân sự huyện Thống Nhất để đảm bảo công tác thi hành án.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán số tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. *Về vật chứng vụ án*: Áp dụng các Điều 46, Điều 47 BLHS, Điều 106 BLTTHS:

- Lưu hồ sơ vụ án các tài liệu gồm: 01 cuốn tập học sinh có ghi 04 tờ (01 tờ bị xé rách – số ghi các xe đã nhận tiền), 01 USB ghi âm lời nói giữa Cao Minh L và Phạm Đình D lưu.

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 điện thoại Iphone X màu đen, 01 xe mô tô biển số 60B7-679.39 và 01 điện thoại Iphone 6s màu vàng.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản giữa Công an huyện Thống Nhất và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất ngày 26/9/2024).

- Tiếp tục tạm giữ số tiền 10.820.000đ (mười triệu tám trăm hai mươi ngàn đồng) theo giấy nộp tiền ngày 25/9/2024 của công an huyện Thống Nhất tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển Việt Nam – CN Thống Nhất để đảm bảo thi hành án.

4. *Về án phí*:

Buộc bị cáo Phạm Đình D phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 895.000đ (tám trăm chín mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc bị cáo Cao Minh L phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. *Về quyền kháng cáo*:

Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị hại được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Thống Nhất;
- CCTHAHS huyện Thống Nhất;
- CCTHADS huyện Thống Nhất;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện Thống Nhất;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Bị cáo; Bị hại;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Ngọc Thành